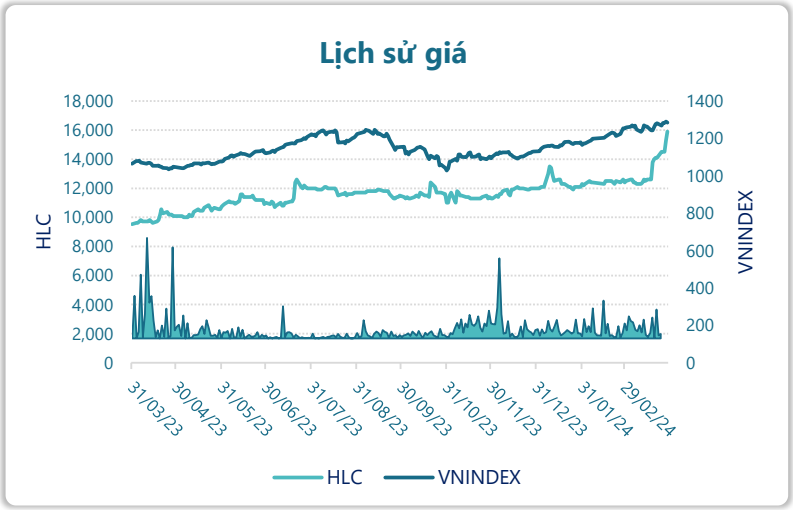
FireAnt

CTCP Than Hà Lầm - Vinacomin (HNX: HLC)



Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**15,900**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	15,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,531
SL cổ phiếu LH	25,415,199
KLGD BQ 20 phiên (CP)	40,560
% sở hữu nước ngoài	7.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	404
P/E	4.5
EPS	3,501

DT thuần

Q1/24

731

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 20.0| 2.8%

YoY: ▲ 11.0| 1.5%

LN sau thuế

Q1/24

21.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.30| 1.6%

YoY: ▲ 0.40| 2.1%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

6.7%

+/- YoY: ▲ 0.9%

DT thuần

2023

3,134

tỷ VNĐ

YoY: ▼617| -16.5%

LN sau thuế

2023

99.2

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 20.6| 26.1%

ROE

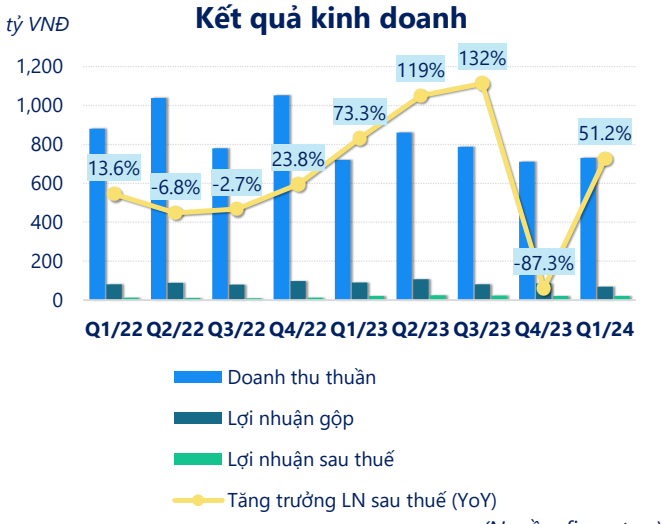
2023

25.0%

+/- YoY: ▲ 3.0%

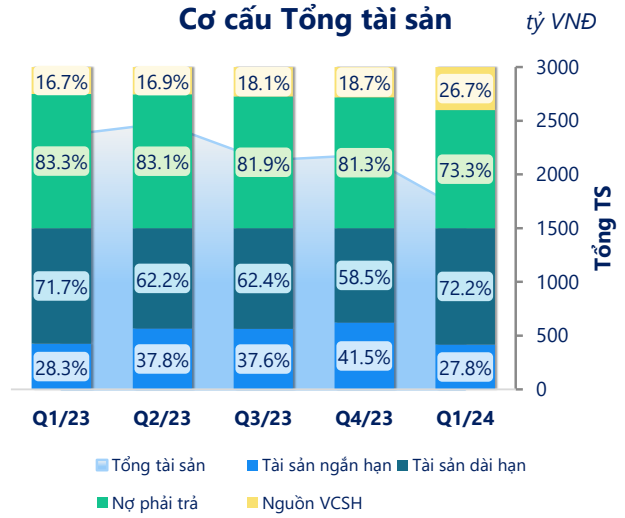
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



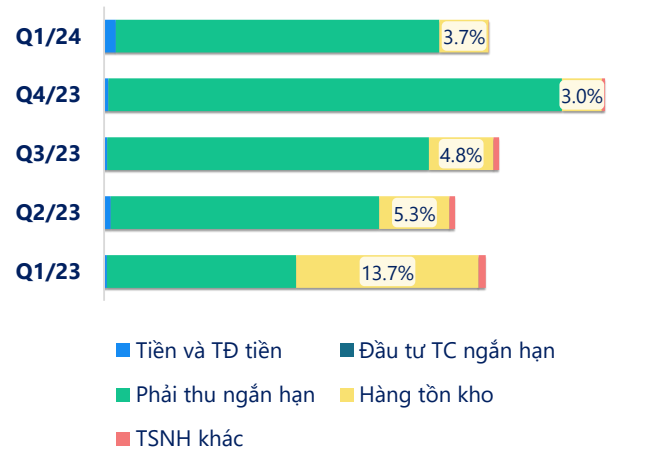
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



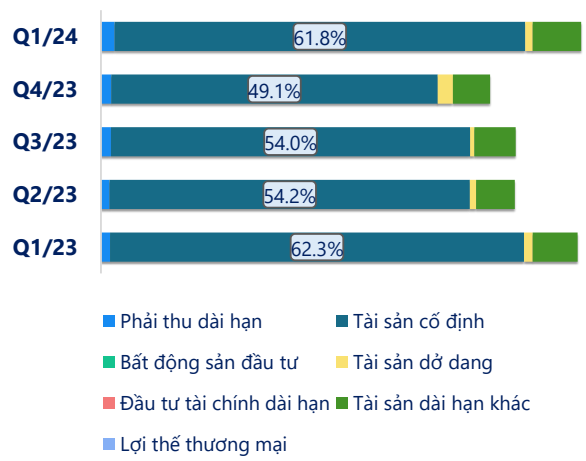
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



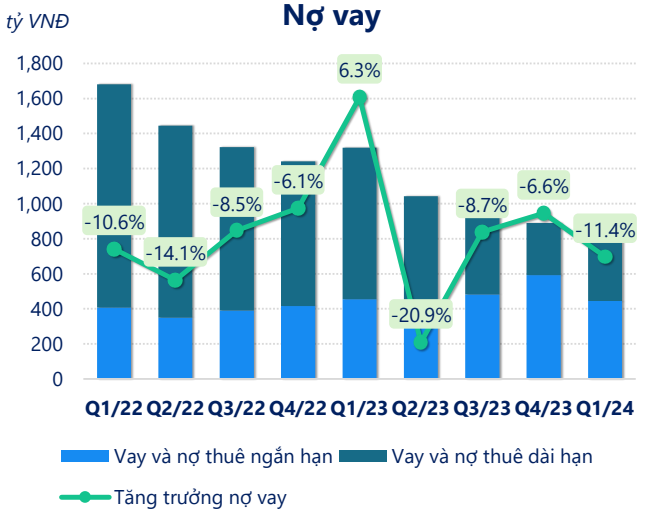
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



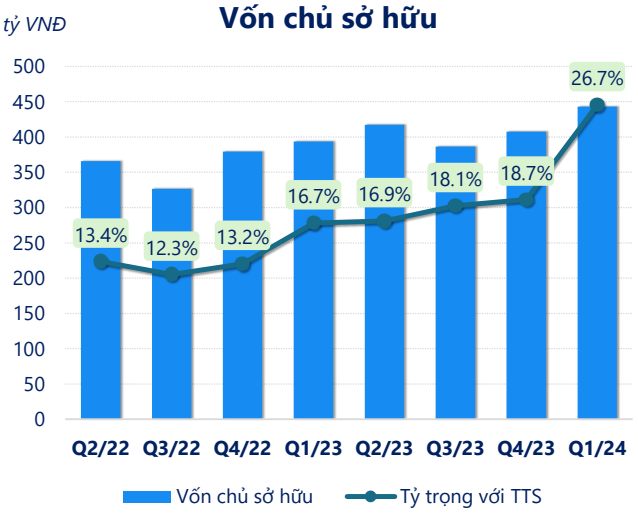
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



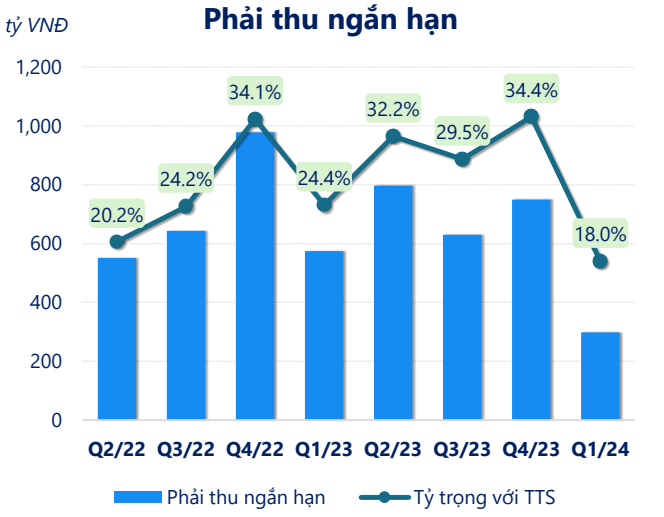
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



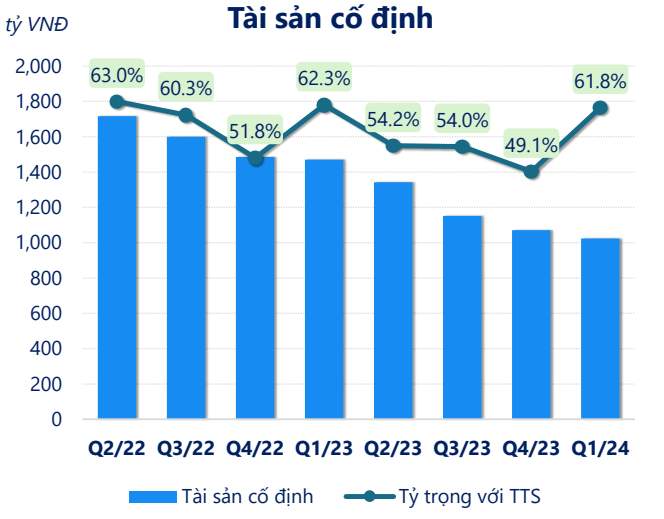
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



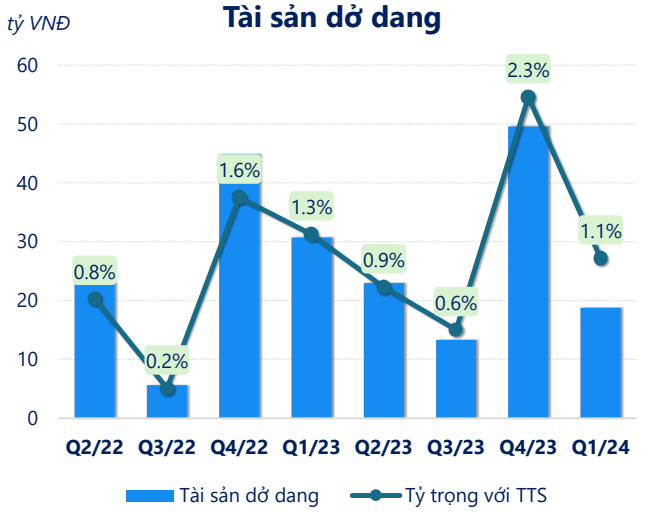
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



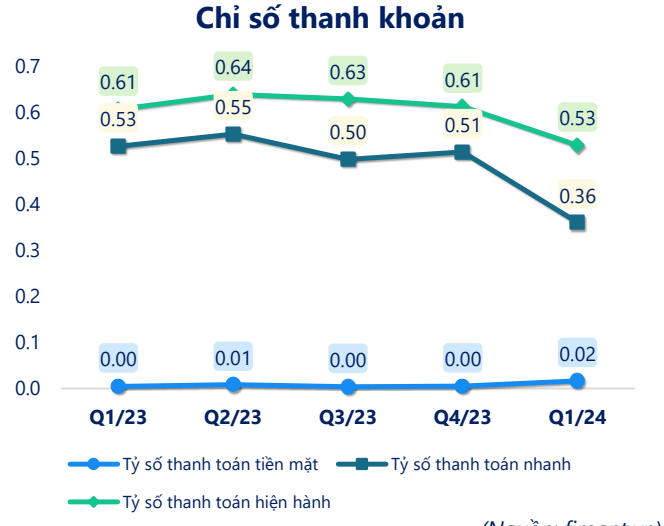
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



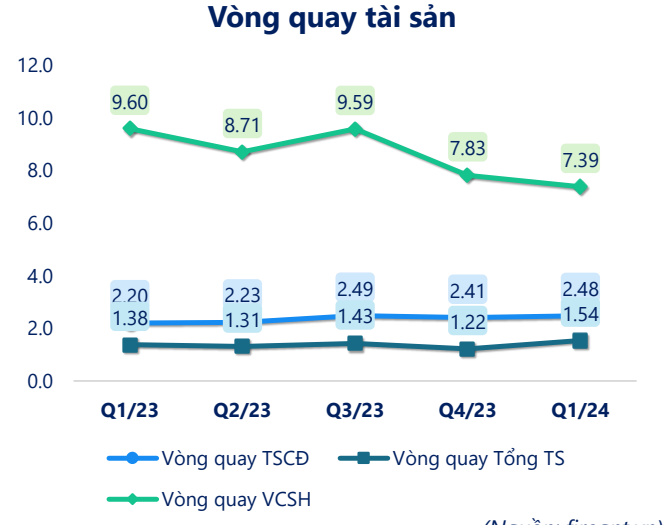
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	**2,360**	**2,476**	**2,130**	**2,180**	**1,658**
Tài sản ngắn hạn	**668**	**935**	**801**	**904**	**460**
Tiền và tương đương tiền	5.17	12.2	4.81	7.19	14.5
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	575	796	629	749	298
Hàng tồn kho	87.8	126	167	146	146
Tài sản ngắn hạn khác	0.35	0.23	0.15	1.88	2.14
Tài sản dài hạn	**1,692**	**1,541**	**1,329**	**1,276**	**1,197**
Phải thu dài hạn	32.0	31.9	31.9	33.6	33.6
Tài sản cố định	1,470	1,342	1,151	1,071	1,024
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	30.7	23.0	13.3	49.6	18.8
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	159	144	132	122	121
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,967**	**2,059**	**1,744**	**1,773**	**1,215**
Nợ ngắn hạn	**1,101**	**1,463**	**1,273**	**1,475**	**871**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	454	447	482	592	445
Phải trả người bán ngắn hạn	176	174	143	202	187
Nợ dài hạn	865	596	471	297	343
Vay và nợ thuê dài hạn	865	596	471	297	343
Nguồn vốn chủ sở hữu	**393**	**417**	**386**	**407**	**443**
Vốn chủ sở hữu	**393**	**417**	**386**	**407**	**443**
Vốn điều lệ	254	254	254	254	254
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)